

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
NGÀNH CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY

Ban hành kèm Quyết định số 1935/QĐ-ĐHTL ngày 03/10/2022 của Trường Đại học Thủy lợi

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			37									
I.1	Lý luận chính trị	Political Subjects			13									
1	Pháp luật đại cương	General Law	GEL111	Mác Lênin	2	2								
2	Triết học Mác - Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	MLP214	Mác Lênin	3				3					
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	MLPE315	Mác Lênin	2					2				
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	SCSO316	Mác Lênin	2						2			
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	HCPV417	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2							2		
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	HCMT418	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2								2	
I.2	Kỹ năng	Communication Skills			3									
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	Soft Skills and Startup Spirit	SSE111	Phát triển kỹ năng	3	3								
I.3	Khoa học tự nhiên và tin học	Natural Science & computer			15									
8	Tin học cơ bản	Introduction to Informatics	ITI111	Tin học và Kỹ thuật tính toán	2		2							
9	Giải tích hàm một biến	Single Variable Calculus	MATH111	Toán học	3	3								
10	Giải tích hàm nhiều biến	Multivariable Calculus	MATH122	Toán học	3		3							
11	Nhập môn đại số tuyến tính	Introduction to Linear Algebra	MATH132	Toán học	2		2							
12	Vật lý đại cương	General Physics	PHYS112	Vật lý	3		3							
13	Phương trình vi phân	Differential Equations	MATH243	Toán học	2			2						
I.4	Tiếng Anh	English			6									
14	Tiếng Anh 1	English 1	ENG213	Tiếng Anh	3			3						
15	Tiếng Anh 2	English 2	ENG224	Tiếng Anh	3				3					
I.5	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education			165t	8*								
I.6	Giáo dục thể chất	Physical Education			5	1*	1*	1*	1*	1*				
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	PROFESSIONAL EDUCATION			118									
II.1	Cơ sở khối ngành	Foundation Subjects			27									
16	Đồ họa kỹ thuật 1	Technical Graphics 1	DRAW111	Đồ họa kỹ thuật	2	2								
17	Vẽ cơ khí	Mechanical Drawing	MEDR112	Đồ họa kỹ thuật	2		2							
18	Thực tập Vẽ cơ khí	Mechanical Drawing Practice	MEDR122	Đồ họa kỹ thuật	1		1							
19	Cơ học kỹ thuật 1	Engineering Mechanics 1	MEEG112	Cơ học kỹ thuật	3		3							
20	Kỹ thuật cơ điện trong cơ khí	Electromechanics in Mechanical Engineering	EME213	Kỹ thuật điện, điện tử	2			2						
21	Kỹ thuật điều khiển tự động	Automatic Controls	AUCO214	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	2				2					

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
51	CAE trong thiết kế máy	CAE in Machine Design	CAE417	Công nghệ cơ khí	2							2		
52	Phương pháp đo lường cơ khí hiện đại	Modern mechanical measurement methods	MMMM316	Công nghệ cơ khí	2						2			
53	Thiết kế sản phẩm công nghiệp	Industrial Product Design	IPD418	Công nghệ cơ khí	2								2	
54	Đồ án Thiết kế sản phẩm công nghiệp	Project on product design	IPD428	Công nghệ cơ khí	2								2	
55	Thực tập doanh nghiệp	Enterprise Internship	EINT315	Công nghệ cơ khí	4					4				
II.4	Học phần tốt nghiệp				14									
56	Thực tập tốt nghiệp ngành chế tạo máy	Graduation Internship	GRIN519	Công nghệ cơ khí	6									6
57	Đồ án tốt nghiệp	Graduation Thesis	GRAT519	Công nghệ cơ khí	8									8
II.5	Kiến thức tự chọn	Selectives			9								9	
58	Công nghệ in 3D	3D printing technology	3DPT418	Công nghệ cơ khí	2								2	
59	Kỹ thuật lập trình PLC	PLC Programming	PLC418	Kỹ thuật cơ điện tử	3								3	
60	Quản lý sản xuất công nghiệp	Production management	PDMA418	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	3								3	
61	CAM/CNC nâng cao	Advanced CAM/CNC technology	ACT418	Công nghệ cơ khí	2								2	
62	Công nghệ gia công áp lực	Wrought Technology	WTEC418	Công nghệ cơ khí	2								2	
63	Công nghệ gia công phi truyền thống	Non-traditional manufactuirng technology	NTMT418	Công nghệ cơ khí	2								2	
64	Thực tập tự động hóa	Automation Practice	AUPR418	Kỹ thuật cơ điện tử	1								1	
	Tổng cộng (I + II)	Total (I + II)			155	12	20	19	18	21	19	17	15	14